

Số: 87/QĐ-ĐHQG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2017

TRƯỜNG ĐH KHXH & NHÂN VĂN

SỐ: 249 Về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGÀY: 27/2/2017

CHUYỂN:

QUYẾT ĐỊNH

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PH. PT Ha
- P. DT
- P. KHTC

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Theo đề nghị của Trường ban Ban Đại học, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 287/QĐ-ĐHQG-KHTC ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành bộ tiêu chuẩn phê duyệt chương trình đào tạo chất lượng cao với học phí tương ứng.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trường ban Ban Đại học, Trường các Ban có liên quan thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Hiệu trưởng, Trường khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Đinh*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Ban ĐH.



QUY ĐỊNH

Về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-ĐHQG ngày 24 tháng 02 năm 2017 của
Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học (sau đây gọi là đào tạo chất lượng cao, viết tắt là ĐTCLC) bao gồm: tiêu chí xác định chương trình đào tạo chất lượng cao trình độ đại học; điều kiện đào tạo chất lượng cao, thủ tục xác nhận đề án ĐTCLC, định chỉ tuyển sinh chương trình chất lượng cao.

2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học thành viên, khoa trực thuộc (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo) trong Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là ĐHQG-HCM).

3. Quy định này không áp dụng đối với các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Chương trình đào tạo đại trà* là chương trình đào tạo (viết tắt là CTĐT) trình độ đại học đang được ĐHQG-HCM cho phép triển khai tại các cơ sở đào tạo, có mức trần học phí theo quy định hiện hành của Chính phủ.

2. *Chương trình đào tạo nước ngoài* là CTĐT đang được áp dụng ở một trường đại học trong khu vực hoặc trên thế giới đã được kiểm định chất lượng hoặc được công nhận về chất lượng bởi tổ chức kiểm định chất lượng có uy tín hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước đó, được tham khảo để xây dựng và phát triển CTĐT chất lượng cao của cơ sở đào tạo.

3. *Chương trình chất lượng cao* (viết tắt là CTCLC) là CTĐT có các điều kiện đảm bảo chất lượng và chuẩn đầu ra cao hơn CTĐT đại trà tương ứng, đồng thời đáp ứng các tiêu chí và điều kiện tại Quy định này.

4. *Tiêu chí xác định CTCLC* gồm những quy định về CTĐT, tuyển sinh, đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý, tổ chức và quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học (viết tắt là NCKH), hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu thực hiện CTCLC được xác định cụ thể trong chương 2 Quy định này.

5. *Thủ trưởng* trong Quy định này bao gồm: Hiệu trưởng các trường đại học thành viên, Trưởng khoa khoa trực thuộc ĐHQG-HCM.

Điều 3. Mục đích đào tạo chất lượng cao

Nâng cao chất lượng đào tạo trình độ đại học ở những cơ sở đào tạo có đủ điều kiện nhằm đào tạo nguồn nhân lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới.

Điều 4. Tổ chức và điều hành CTCLC

Tổ chức và điều hành CTCLC bao gồm hai cấp: cấp ĐHQG-HCM và cấp cơ sở đào tạo.

1. ĐHQG-HCM

- a) Giám đốc ĐHQG-HCM ra quyết định thành lập Ban điều hành CTCLC cấp ĐHQG-HCM, thành phần gồm: Ban Giám đốc, Ban Đại học, Ban Kế hoạch - Tài chính, Trung tâm Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo, Ban Giám hiệu cơ sở đào tạo, các chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo;
- b) Chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn cụ thể các cơ sở đào tạo triển khai các CTCLC;
- c) Tiếp nhận và tổ chức thẩm định hồ sơ CTCLC mà cơ sở đào tạo đăng ký. Tư vấn và báo cáo Ban Giám đốc về kết quả thẩm định.
- d) Tổ chức đánh giá, rà soát, điều chỉnh các CTCLC, xem xét việc mở rộng CTCLC. Có kế hoạch chuẩn hoá, đảm bảo và nâng cao chất lượng CTCLC;
- đ) Tạo điều kiện cho các CTCLC tham gia đánh giá, kiểm định theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, AUN-QA hoặc theo các tiêu chuẩn quốc tế khác;
- e) Đề xuất các hình thức xử lý đối với các CTCLC không đảm bảo chất lượng đào tạo như cam kết và các chương trình không thực hiện đúng các nội dung, kế hoạch, quy trình đăng ký.

2. Cơ sở đào tạo

- a) Căn cứ vào hoạt động của cơ sở đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập Ban điều hành CTCLC;
- b) Triển khai, tổ chức đào tạo các CTCLC đã được phê duyệt;
- c) Định kỳ rà soát công tác thực hiện các CTCLC theo kế hoạch và các quy định về CTCLC;
- d) Thực hiện đánh giá, kiểm định CTCLC theo các tiêu chuẩn: Bộ Giáo dục và Đào tạo, AUN-QA hoặc theo các tiêu chuẩn quốc tế khác.
- đ) Sau mỗi khóa tốt nghiệp, Ban điều hành CTCLC tổ chức đánh giá rà soát điều chỉnh lại chương trình.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo

1. Ban hành quy định chi tiết về ĐTCLC áp dụng tại cơ sở đào tạo với các tiêu chí, điều kiện không thấp hơn Quy định này; trong đó bao gồm cả nhiệm vụ và quyền của giảng viên, sinh viên; quyền hạn của cơ sở đào tạo trong việc kiểm tra, thanh tra nội bộ, xử lý vi phạm nội bộ đối với cá nhân, đơn vị không thực hiện đúng các tiêu chí, điều kiện đã được quy định.

2. Triển khai thực hiện ĐTCLC theo Quy định này và quy định chi tiết của cơ sở đào tạo.

3. Xác định mức học phí trên cơ sở tính đúng, tính đủ chi phí đào tạo cho toàn khóa học; xây dựng lộ trình điều chỉnh mức học phí cho những khóa học tiếp theo (nếu cần thiết); xây dựng phương án thu, chi và quản lý kinh phí để đảm bảo thực hiện đầy đủ các tiêu chí của ĐTCLC (bao gồm cả miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc diện chính sách được nhận hỗ trợ tài chính của Nhà nước); thực hiện trích lập các quỹ theo quy định hiện hành đối với phần chênh lệch thu chi còn lại.

4. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo các quy định tại khoản 1 Điều này và mức học phí quy định tại khoản 3 Điều này trước mỗi kì tuyển sinh.

Chương II

TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Điều 6. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo chất lượng cao được xây dựng và phát triển trên nền của CTĐT đại trà của cơ sở đào tạo có đủ các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 16 của Quy định này; có tham khảo CTĐT nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao phải cao hơn của CTĐT đại trà tương ứng về năng lực chuyên môn; năng lực ngoại ngữ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin; năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác; riêng năng lực ngoại ngữ tối thiểu phải đạt bậc 4/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương).

3. Việc xây dựng CTĐT chất lượng cao phải có sự tham gia của đội ngũ giảng viên thực hiện CTĐT chất lượng cao, bộ phận đảm bảo chất lượng và lấy ý kiến đóng góp của cựu sinh viên, các chuyên gia ngoài cơ sở đào tạo, đại diện của các đơn vị sử dụng lao động và được Hội đồng Khoa học và Đào tạo (KHĐT) thông qua. Cơ sở đào tạo cần có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CTĐT để bổ sung, cập nhật, chỉnh sửa theo quy định.

4. Việc xây dựng CTĐT cần xem xét tính liên thông giữa các chương trình trong cùng một ngành, nhóm ngành đào tạo tại cơ sở đào tạo.

5. Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT chất lượng cao được thực hiện theo các quy định hiện hành của ĐHQG-HCM.

Điều 7. Giảng viên, trợ giảng

1. Giảng viên

a) Có trình độ thạc sĩ trở lên. Riêng giảng viên dạy lý thuyết các học phần thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành phải có trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có trình độ thạc sĩ tốt nghiệp ở các trường đại học của các nước phát triển đúng ngành hoặc thuộc ngành gần (đối với các ngành đặc thù);

b) Có năng lực chuyên môn, NCKH đáp ứng yêu cầu của CTĐT chất lượng cao; có kinh nghiệm giảng dạy liên quan đến ngành ĐTCLC từ 3 năm trở lên; có phương pháp giảng dạy hiệu quả; áp dụng tốt công nghệ thông tin trong giảng dạy và NCKH;

c) Giảng viên dạy các học phần chuyên môn bằng ngoại ngữ, ngoài các tiêu chuẩn nêu tại điểm a, b khoản này, phải có trình độ ngoại ngữ bậc 5/6 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (hoặc tương đương) hoặc được đào tạo trình độ đại học trở lên toàn thời gian ở nước ngoài bằng ngôn ngữ đó;

d) Có giảng viên uy tín của các trường đại học nước ngoài (bao gồm cả giảng viên Việt Nam có quốc tịch nước ngoài) hoặc giảng viên Việt Nam đã tham gia giảng dạy trình độ đại học trở lên ở nước ngoài hoặc giảng viên đã được đào tạo trình độ tiến sĩ ở nước ngoài, đáp ứng yêu cầu của CTCLC tham gia giảng dạy các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành;

đ) Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy CTCLC do thủ trưởng cơ sở đào tạo phê duyệt theo đề nghị của trường đơn vị chuyên môn hoặc Hội đồng khoa học và đào tạo của cơ sở đào tạo, được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo.

e) Đối với các trường hợp giảng viên không đảm bảo theo điểm c Khoản 1 Điều này, cơ sở đào tạo thành lập Hội đồng để xây dựng lộ trình bồi dưỡng, phát triển giảng viên đạt chuẩn. Căn cứ trên kết quả của Hội đồng, Thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định lộ trình triển khai cụ thể và báo cáo ĐHQG-HCM.

2. Trợ giảng

a) Trợ giảng phải có đủ năng lực chuyên môn, ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của học phần; sử dụng tốt các thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy để hỗ trợ giảng viên trong hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập, hướng dẫn thực hành, thảo luận, seminar, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp;

b) Cơ sở đào tạo được phép sử dụng nghiên cứu sinh, học viên cao học, sinh viên giỏi tốt nghiệp các CTĐT kỹ sư, cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao, chương trình tiên tiến, CTCLC tham gia hoạt động trợ giảng.

Điều 8. Cán bộ quản lý và cố vấn học tập

1. Cán bộ quản lý CTCLC phải có đủ năng lực chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý đào tạo; sử dụng thành thạo các phần mềm quản lý liên quan; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

2. Cố vấn học tập phải nắm vững CTĐT, quy định về ĐTCLC và có khả năng hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên trong quá trình học tập; có năng lực ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu công việc.

Điều 9. Điều kiện về cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học

1. Có phòng học riêng cho lớp ĐTCLC được trang bị máy tính kết nối mạng internet và các thiết bị hỗ trợ giảng dạy, học tập; mỗi sinh viên CTCLC có nơi tự học ở trường, được sử dụng mạng internet không dây.

2. Có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo trong, ngoài nước và được cập nhật thường xuyên; có thư viện và thư viện điện tử cho giảng viên và sinh viên tra cứu và sử dụng trong giảng dạy, học tập và NCKH.

3. Có đủ các phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, cơ sở thực tập; có các phần mềm mô phỏng cần thiết phục vụ giảng dạy thực nghiệm cho sinh viên CTCLC và các cơ sở vật chất cần thiết khác theo yêu cầu của CTĐT.

Điều 10. Nghiên cứu khoa học

1. Hàng năm, mỗi giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy học phần lý thuyết ngành và chuyên ngành của CTCLC phải có tối thiểu 01 công trình NCKH được công bố hoặc được nghiệm thu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC.

2. Trong cả khoá học, mỗi sinh viên CTCLC phải được tham gia NCKH theo nhóm nghiên cứu do các giảng viên hướng dẫn hoặc tham gia đề tài NCKH với giảng viên.

3. Hàng năm, giảng viên và sinh viên CTCLC phải có ít nhất 01 đề tài phối hợp nghiên cứu với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC.

Điều 11. Hợp tác quốc tế

Cơ sở đào tạo thực hiện một số hoặc tất cả các hình thức hợp tác quốc tế sau để hỗ trợ phát triển CTCLC: bồi dưỡng, trao đổi giảng viên và sinh viên; tổ chức hợp tác NCKH, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, giao lưu học thuật; liên kết thư viện, trao đổi kinh nghiệm, thông tin, tài liệu, ấn phẩm khoa học; tham gia các tổ chức khoa học, nghề nghiệp quốc tế liên quan đến CTCLC.

Điều 12. Tuyển sinh

1. Chỉ tiêu đào tạo CTCLC nằm trong tổng chỉ tiêu đào tạo đã xác định hàng năm của cơ sở đào tạo theo quy định.

2. Điều kiện tuyển sinh

a) Thí sinh là công dân Việt Nam đã trúng tuyển vào cơ sở đào tạo trong kỳ tuyển sinh đại học chính quy; thí sinh là người nước ngoài phải có văn bằng tốt nghiệp tối thiểu tương đương văn bằng tốt nghiệp trung học phổ thông của Việt Nam, có năng lực tiếng Việt đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định;

b) Đáp ứng các điều kiện khác về tuyển sinh do cơ sở đào tạo quy định; tự nguyện tham gia học, cam kết đóng học phí theo quy định của cơ sở đào tạo.

3. Phương thức tuyển sinh CTCLC do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

Điều 13. Tổ chức và quản lý đào tạo

Ngoài việc tuân theo các quy định chung về tổ chức, quản lý đào tạo trình độ đại học hiện hành, cơ sở đào tạo phải thực hiện thêm các yêu cầu sau:

1. Tổ chức đào tạo CTCLC phải đảm bảo:

a) Thực hiện theo học chế tín chỉ, sử dụng triệt để phương pháp giảng dạy mới theo hướng phát huy năng lực cá nhân của sinh viên, tăng cường rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng sử dụng các trang thiết bị hiện đại và các phần mềm chuyên dụng để giải quyết các nội dung chuyên môn;

b) Có ít nhất 20% số tín chỉ các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành được dạy bằng các ngoại ngữ chính của CTĐT nước ngoài hoặc tiếng Anh, trong đó có ít nhất 1/2 số tín chỉ nêu trên do giảng viên được quy định tại điểm d, Khoản 1, Điều 7 của Quy định này đảm nhiệm (trừ những ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam);

c) Tổ chức cho sinh viên tham quan, thực hành, thực tập tại các tổ chức, doanh nghiệp, công ty, cơ sở sản xuất trong hoặc ngoài nước theo kế hoạch; mời các giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên là các chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, lãnh đạo, nhà quản lý, nghệ nhân đến từ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trong nước hoặc nước ngoài tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm, phát triển nghề nghiệp; hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, doanh nghiệp liên quan để mời tham gia, hỗ trợ hoạt động đào tạo và NCKH;

d) Áp dụng các phương pháp đánh giá hiện đại theo hướng chú trọng phát triển năng lực phân tích, thực hành, sáng tạo, tự cập nhật kiến thức; năng lực nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trên nguyên tắc khách quan, minh bạch, linh hoạt, bám sát mục tiêu của mỗi học phần và của CTĐT;

đ) Bố trí đủ trợ giảng cho mỗi học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành;

e) Bố trí đủ người giảng dạy lý thuyết, hướng dẫn thảo luận, thực hành, thí nghiệm, thực tập; đảm bảo quy mô lớp lý thuyết chuyên môn không quá 50 sinh viên, mỗi nhóm thảo luận không quá 30 sinh viên, nhóm thực hành không quá 15 sinh viên, nhóm làm thí nghiệm tại phòng thí nghiệm không quá 05 sinh viên.

2. Quản lý đào tạo

a) Áp dụng tối đa các quy định quản lý học vụ, giảng viên và sinh viên của CTĐT tham khảo;

b) Có bộ phận hoặc cán bộ quản lý chuyên trách theo dõi, quản lý và tổ chức triển khai thực hiện CTCLC;

c) Cố vấn học tập, giảng viên ngoài giờ lên lớp phải bố trí thời gian trả lời, giải quyết các vấn đề vướng mắc của sinh viên về nội dung học tập;

d) Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên tối thiểu một lần sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy của giảng viên; công tác quản lý, phục vụ; điều kiện cơ sở vật chất và tổ chức trả lời những ý kiến phản ánh của sinh viên.

3. Thay đổi trong quá trình đào tạo

a) Sinh viên CTCLC không đủ điều kiện để tiếp tục học tập CTCLC theo quy định của cơ sở đào tạo thì phải chuyển sang học CTĐT đại trà hoặc thôi học theo quy định của cơ sở đào tạo;

b) Sinh viên đang học CTĐT đại trà nếu có nhu cầu và đủ điều kiện theo quy định của cơ sở đào tạo có thể được xem xét tiếp nhận vào học CTCLC;

c) Cơ sở đào tạo quy định cụ thể về điều kiện, thời điểm tiếp nhận sinh viên đang học chương trình đại trà chuyển sang học CTCLC, sinh viên CTCLC chuyển sang học CTĐT đại trà và phải thông báo công khai cho người học trước mỗi khóa tuyển sinh;

d) Việc xem xét chuyển đổi chương trình do thủ trưởng cơ sở đào tạo xem xét và quyết định.

Điều 14. Cơ cấu tài chính

Cơ cấu chi tiêu tài chính đối với nguồn thu từ CTCLC như sau:

TT	Nội dung	Cơ cấu % trên tổng nguồn thu
1	Chi phí giảng dạy (giảng viên trong nước và nước ngoài)	≤ 40%
2	Chi phí nghiên cứu khoa học	≥ 8%
3	Chi phí quản lý, thuê mượn, nghiệp vụ chuyên môn, vật tư, nguyên vật liệu...	≥ 20%
4	Trích lập quỹ tái phân phối, đầu tư phát triển	Cân đối theo thực tế

Cơ sở xây dựng cơ cấu tài chính: kinh nghiệm thực hiện chương trình tiên tiến, kỹ sư - cử nhân tài năng, chương trình liên kết, trường đại học quốc tế, ...

Căn cứ trên nguồn thu từ chương trình và đề xuất cơ cấu chi nêu trên, cơ sở đào tạo xác định mức chi trả thù lao giảng dạy, nghiệp vụ chuyên môn, ... chi tiết phù hợp với nhu cầu thực tế và đặc thù đào tạo của từng chương trình theo quy định về mức chi dành cho CTCLC mà cơ sở đào tạo Quy định.

Điều 15. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của các CTCLC đảm bảo theo cơ cấu Điều 14 của quy định này.

2. Nội dung chi và mức chi cho các hoạt động liên quan đến CTCLC phải phù hợp với quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành.

3. Cơ sở đào tạo quy định chi tiết, cụ thể về hoạt động thu chi cho CTCLC.

Chương III

ĐIỀU KIỆN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO, THỦ TỤC XÁC NHẬN ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO, ĐÌNH CHỈ TUYỂN SINH CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO

Điều 16. Điều kiện được đào tạo chất lượng cao

1. Cơ sở đào tạo đã có kinh nghiệm trong đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế, bao gồm:

a) Có ít nhất 3 khóa sinh viên đại học tốt nghiệp và đã công bố chuẩn đầu ra của CTĐT đại trà. Các trường hợp khác do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định;

b) Có chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường đại học nước ngoài;

c) Có hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC; có các giảng viên thỉnh giảng, báo cáo viên đến từ tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất;

d) Trong 05 năm, tính đến thời điểm đề án ĐTCLC được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua, cơ sở đào tạo phải có ít nhất 05 công trình nghiên cứu có nội dung liên quan đến ngành ĐTCLC được nghiệm thu hoặc được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

2. Có kế hoạch phát triển các CTCLC trong kế hoạch phát triển tổng thể theo từng giai đoạn của cơ sở đào tạo đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua.

3. Có đề án ĐTCLC bao gồm những nội dung theo Điều 17 của Quy định này do đơn vị chuyên môn chủ trì, đơn vị quản lý đào tạo, tài chính và các đơn vị có liên quan khác tham gia xây dựng, được Hội đồng Khoa học và Đào tạo thông qua và thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định phê duyệt.

4. Được ĐHQG-HCM xác nhận đề án ĐTCLC của cơ sở đào tạo đáp ứng các quy định về ĐTCLC.

5. Có chứng nhận cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục hoặc có xác nhận đã đăng kí và đang chờ kiểm định chất lượng giáo dục của các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục của Việt Nam hoặc nước ngoài được ĐHQG-HCM công nhận.

Điều 17. Đề án đào tạo chất lượng cao

Đề án ĐTCLC cho mỗi CTCLC (theo mẫu tại Phụ lục I) gồm những nội dung chính sau:

1. Sự cần thiết và mục tiêu đào tạo của CTĐT chất lượng cao.

2. Chuẩn đầu ra của CTĐT chất lượng cao và chuẩn đầu ra của CTĐT đại trà tương ứng.

3. Điều kiện và cách thức tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm.

4. Minh chứng các điều kiện đảm bảo chất lượng ĐTCLC, bao gồm:

a) Chương trình đào tạo; phân tích, đối chiếu so sánh mục tiêu, chuẩn đầu ra, cấu trúc, nội dung của CTĐT chất lượng cao với CTĐT đại trà và CTĐT nước ngoài; ý kiến nhận xét của 02 chuyên gia uy tín ngoài cơ sở đào tạo (trong nước hoặc quốc tế);

b) Danh sách giảng viên cơ hữu, lý lịch khoa học của giảng viên (Phụ lục II), trợ giảng và cán bộ quản lý; giảng viên thỉnh giảng và báo cáo viên, trong đó có người đang làm việc tại các tổ chức, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất;

c) Danh mục cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, trong đó cần ghi rõ thiết bị; danh mục học liệu, tài liệu thư viện và liên kết thư viện đã được đầu tư ở mức cao hơn so với mức đầu tư của CTĐT đại trà để đáp ứng yêu cầu ĐTCLC;

d) Danh mục các công trình NCKH (đã công bố và đang triển khai);

đ) Các hình thức hợp tác quốc tế nhằm hỗ trợ phát triển CTCLC;

e) Hoạt động hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất liên quan đến CTCLC;

g) CTĐT nước ngoài và minh chứng CTĐT đó đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại cho phép thực hiện và cấp văn bằng;

h) Giấy chứng nhận hoặc xác nhận quy định tại Khoản 5 Điều 16.

5. Kế hoạch triển khai tổ chức và quản lý đào tạo.

6. Văn bản quy định chi tiết về ĐTCLC của cơ sở đào tạo được xây dựng trên cơ sở của Quy định này.

7. Các nội dung liên quan đến chi phí đào tạo, học phí và quản lý học phí, kinh phí của cơ sở đào tạo quy định tại Khoản 3 Điều 5 của Quy định này; so sánh định mức đầu tư cho mỗi sinh viên CTCLC với định mức đầu tư cho mỗi sinh viên của chương trình đại trà.

Điều 18. Đăng ký, xác nhận đề án ĐTCLC

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Công văn của cơ sở đào tạo đề nghị ĐHQG-HCM xác nhận đề án ĐTCLC;

b) Đề án ĐTCLC theo Điều 17 của Quy định này; biên bản thông qua đề án của Hội đồng Khoa học và Đào tạo; quyết định phê duyệt đề án ĐTCLC của thủ trưởng cơ sở đào tạo.

2. Quy trình xác nhận đề án ĐTCLC

a) Cơ sở đào tạo có đề án ĐTCLC thuộc thẩm quyền xác nhận của ĐHQG-HCM gửi 02 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này về ĐHQG-HCM đề nghị xác nhận đề án ĐTCLC;

b) Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, ĐHQG-HCM thẩm định hồ sơ. Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, ĐHQG-HCM có văn bản xác nhận đề án đáp ứng các quy định về ĐTCLC. Nếu hồ sơ của cơ sở đào tạo chưa đạt yêu cầu, ĐHQG-HCM thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do đề án không được xác nhận.

c) ĐHQG-HCM công khai đề án ĐTCLC đã được xác nhận trên trang thông tin điện tử của ĐHQG-HCM và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 19. Đình chỉ tuyển sinh chương trình chất lượng cao

1. Cơ sở đào tạo bị đình chỉ tuyển sinh CTCLC khi xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

a) Không bảo đảm một trong các tiêu chí xác định CTCLC được quy định tại Chương II của Quy định này;

b) Vi phạm quy định của pháp luật về giáo dục bị xử phạt vi phạm hành chính ở mức độ phải đình chỉ;

c) Không đạt tiêu chuẩn tại kỳ kiểm định chất lượng giáo dục được quy định tại Khoản 5 Điều 16 của Quy định này;

d) Không đạt tiêu chuẩn tại kỳ kiểm định CTCLC được quy định tại Khoản 2, Điều 21 của Quy định này;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định đình chỉ tuyển sinh CTCLC phải xác định rõ lý do đình chỉ tuyển sinh, thời hạn đình chỉ tuyển sinh, các biện pháp cụ thể đảm bảo quyền lợi của sinh viên, giảng viên.

3. Giám đốc ĐHQG-HCM ra quyết định đình chỉ tuyển sinh CTCLC.

4. Sau thời hạn đình chỉ tuyển sinh, nếu nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ tuyển sinh được khắc phục thì Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định cho phép cơ sở đào tạo được tuyển sinh CTCLC trở lại.

Chương IV

ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG VÀ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Điều 20. Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo chất lượng cao

1. Tổ chức đào tạo CTCLC phải tuân thủ các quy định về ĐTCLC của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM.

2. Xây dựng kế hoạch và triển khai triệt để các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục CTCLC đang triển khai.

3. Tổ chức lấy ý kiến của sinh viên sau mỗi học kỳ về nội dung, phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá của giảng viên; công tác quản lý; điều kiện về cơ sở vật chất; điều kiện hỗ trợ về nghiên cứu khoa học; hợp tác quốc tế; các hoạt động về tư vấn, hướng nghiệp và phục vụ sinh viên; và các vấn đề khác.

4. Có trách nhiệm giải quyết và phản hồi các báo cáo, đề xuất, kiến nghị và phản ánh của giảng viên, viên chức và sinh viên.

5. Tổ chức rà soát CTCLC và đề xuất ĐHQG-HCM các điều chỉnh, bổ sung CTCLC nếu có. Những điều chỉnh, bổ sung CTCLC do Giám đốc ĐHQG-HCM quyết định.

Điều 21. Kiểm định chương trình đào tạo chất lượng cao

1. Cơ sở đào tạo phải tự đánh giá chất lượng của CTCLC và có kế hoạch chuẩn bị các điều kiện cho kiểm định CTCLC.
2. Đăng ký kiểm định CTCLC sau 02 khoá tốt nghiệp, theo quy định về kiểm định CTĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHQG-HCM.
3. Lập kế hoạch, lộ trình và thực hiện đăng ký kiểm định CTCLC bởi tổ chức kiểm định của nước có CTĐT tham khảo hoặc tổ chức kiểm định có uy tín của Việt Nam, trong khu vực hoặc quốc tế.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI THÀNH

Điều 22. Báo cáo định kỳ

1. Hàng năm, sau mỗi kì tuyển sinh, cơ sở đào tạo báo cáo ĐHQG-HCM kết quả tuyển sinh CTCLC. Việc điều chỉnh mức học phí (nếu có) so với mức học phí ghi trong đề án ĐTCLC được ĐHQG-HCM xác nhận và thực hiện theo quy trình tại Khoản 2 Điều 18 của Quy định này.
2. ĐHQG-HCM thực hiện kiểm tra công tác đào tạo CTCLC của các cơ sở đào tạo theo kế hoạch và quy định hiện hành.
3. Sau mỗi khóa tốt nghiệp, cơ sở đào tạo có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh, cập nhật và bổ sung CTCLC (nếu cần thiết) và báo cáo ĐHQG-HCM.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định và hướng dẫn trước đây trái với Quy định này đều được bãi bỏ.
2. Trong trường hợp cần thiết, Giám đốc ĐHQG-HCM có thể sửa đổi, bổ sung một số quy định cho phù hợp với tình hình thực tế. *Đinh*

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Đương Anh Đức

Phụ lục I

Mẫu đề án đào tạo chất lượng cao trình độ đại học

Tên cơ sở đào tạo

ĐỀ ÁN

ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

- Tên chương trình đào tạo :
- Ngành đào tạo:
- Mã số:

Phần I. Thông tin về ngành đào tạo, sự cần thiết và mục tiêu đào tạo CLC

1. Thông tin về ngành đào tạo chất lượng cao

- 1.1. Năm được giao nhiệm vụ đào tạo chương trình đại trà
- 1.2. Đơn vị quản lý đào tạo (khoa, bộ môn, phòng chuyên môn...)
- 1.3. Đội ngũ cán bộ chuyên trách quản lý sinh viên
- 1.4. Kết quả đào tạo trong 5 năm gần nhất

Bảng 1. Thống kê số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ đại trà):

Năm học	Chi tiêu	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)

Bảng 2. Thống kê theo dõi tình hình học tập của sinh viên trong 8-10 niên khóa gần nhất để cung cấp đủ thông tin về tình hình tốt nghiệp cho 03 khóa gần nhất

Năm học	Tổng số sinh viên của khóa học	% nhận bằng tốt nghiệp sau			% thôi học sau			
		3 năm	4 năm	>4 năm	1 năm	2 năm	3 năm	>3 năm

2. Sự cần thiết, mục tiêu đào tạo chất lượng cao

- Trình bày kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ đại học của ngành đăng ký đào tạo đối với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, thành phố, vùng hoặc toàn quốc; chủ trương của Đảng, quy hoạch ngành nghề và trình độ đào tạo, quy hoạch phát triển nhân lực của ngành, vùng, quốc gia;

- Mục tiêu đào tạo chất lượng cao;
- Chuẩn đầu ra của CTĐT CLC.

Phần II. Điều kiện và năng lực đào tạo CTCLC của cơ sở đào tạo

Căn cứ các điều kiện ở Điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 của Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học để tự đánh giá năng lực về:

1. Chương trình đào tạo

Cần cung cấp các thông tin về: quy trình xây dựng và điều chỉnh CTĐT; mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra, bản mô tả chương trình, cấu trúc và nội dung chương trình, các ma trận, đề cương môn học, phương pháp dạy và học, kiểm tra đánh giá sinh viên

1.1. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung
- Mục tiêu cụ thể

1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

- Kiến thức
- Kỹ năng
- Thái độ

(Quy định về trình độ ngoại ngữ)

1.3. Ma trận chuẩn giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu đào tạo

1.4. Phân tích, đối chiếu, so sánh chuẩn đầu ra của CTĐT CLC so với chương trình đại trà và CTĐT nước ngoài

1.5. Nội dung chương trình đào tạo

Bảng 3. Nội dung chương trình đào tạo

Stt	Mã MH	Tên MH		Loại MH (bắt buộc/tự chọn)	Tin chi			Phòng TN (**)
		Tiếng việt	Tiếng Anh (*)		Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	
I	Kiến thức giáo dục đại cương							
	Lý luận chính trị							
	Khoa học xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật							
	Ngoại ngữ							
	Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường							
	Kinh tế - Quản lý							
	Ngoại ngữ							
	Giáo dục thể chất							
	Giáo dục Quốc phòng							
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp							

	Kiến thức cơ sở (của khối ngành, nhóm ngành và ngành)					
	Kiến thức ngành chính (ngành thứ nhất)					
	Kiến thức chung của ngành chính (bắt buộc phải có)					
	Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (không bắt buộc phải có; được chọn tự do hoặc chọn theo từng chuyên ngành)					
	Kiến thức ngành thứ hai (không bắt buộc phải có, được chọn dưới dạng ngành phụ hoặc ngành chính thứ hai)					
	Kiến thức bổ trợ tự do (không bắt buộc phải có)					
III	Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận					
	Tổng số (tín chỉ)					

Ghi chú: (*) Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

()** Đối với Phòng thí nghiệm (PTN) phải có bảng thuyết minh về CSVC hoặc bảng vẽ tổng thể mặt bằng hoặc minh chứng cam kết sử dụng chung CSVC.

1.6. Ma trận chuẩn đầu ra với môn học

1.7. Dự kiến kế hoạch giảng dạy (phân bổ các môn học theo từng học kỳ)

Bảng 4. Dự kiến kế hoạch giảng dạy

Học kỳ	Mã MH	Tên MH		Tín chỉ			Phòng TN (**)	Ghi chú
		Tiếng việt	Tiếng Anh (*)	Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm		
1								
20								
Tín chỉ								
		Tổng						

Ghi chú: (*): Đối với các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

()**: Ghi tên PTN.

1.8. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các môn học (số thứ tự của môn học tương ứng với số thứ tự của môn học trong Nội dung chương trình đào tạo)

Tên môn học (tiếng Việt, tiếng Anh):

- Số tín chỉ: (ghi rõ số tín chỉ lý thuyết và thực hành)
- Điều kiện tiên quyết (Để học được môn học này thì phải hoàn thành các môn nào?)
- Mô tả nội dung môn học: Nêu được tóm tắt nội dung môn học, số tín chỉ, mục tiêu môn học đề ra

1.9. Đề cương chi tiết môn học được xây dựng theo quy định, hướng dẫn hiện hành của ĐHQG-HCM.

2. Danh sách đội ngũ giảng viên, trợ giảng, cán bộ quản lý, cán bộ phục vụ thực hành, thí nghiệm

Trước khi cung cấp các thông tin cụ thể, đề án cần cung cấp số liệu thống kê tổng quan về đội ngũ giảng viên như sau:

Bảng 5. Thống kê số liệu giảng viên của Khoa

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu		Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			GV trong biên chế, dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
1	Giáo sư, Viện sĩ					
2	Phó Giáo sư					
3	Tiến sĩ, tiến sĩ khoa học					
4	Thạc sĩ					
5	Đại học					
	Tổng số					

2.1. Đội ngũ giảng viên

Bảng 6. Danh sách giảng viên cơ hữu đúng ngành đào tạo chất lượng cao

TT	Họ và tên, năm sinh	Chức danh KH, năm công nhận	Học vị, năm công nhận	Số bài báo công bố trong nước 5 năm gần nhất	Số bài báo công bố ngoài nước 5 năm gần nhất
1					
2					
...					

Bảng 7. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1					
2					
...					

Bảng 8. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần của ngành đào tạo CLC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1						

2						
...						

Ghi chú: Chỉ phân công mỗi giảng viên đảm nhiệm tối đa 2 học phần

2.2. Đội ngũ trợ giảng

Bảng 9. Danh sách trợ giảng tham gia trợ giảng các học phần của CTCLC

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Đơn vị công tác	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Học phần/số tín chỉ dự kiến đảm nhiệm
1					
2					
...					

2.3. Đội ngũ cán bộ quản lý, cố vấn học tập

2.3.1. Đội ngũ cán bộ quản lý

Bảng 10. Đội ngũ cán bộ quản lý chương trình chất lượng cao

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	Vị trí công tác	Ghi chú
1					
2					
...					

2.3.2. Đội ngũ cố vấn học tập

Bảng 11. Đội ngũ cố vấn học tập chương trình chất lượng cao

TT	Họ và tên	Chức danh KH, học vị	Ngành, chuyên ngành	vị trí công tác	Ghi chú
1					
2					
...					

2.4. Đội ngũ cán bộ cơ hữu phục vụ thực hành, thí nghiệm

Bảng 12. Danh sách kỹ thuật viên, nhân viên hướng dẫn thí nghiệm cơ hữu phục vụ ngành đăng ký đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năm tốt nghiệp	Phụ trách PTN, thực hành	Phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ học phần nào trong CTĐT
1				
2				
...				

3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo¹

3.1. Phòng học, phòng thí nghiệm, trang thiết bị

Bảng 13. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1						
2						
...						

Bảng 14. Phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành và trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành

Số TT	Tên phòng thí nghiệm, xưởng, trạm trại, cơ sở thực hành	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ thí nghiệm, thực hành		
			Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1					
2					
...					

3.2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

3.2.1. Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: m² trong đó diện tích phòng đọc: m²
- Số chỗ ngồi: ... ; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: ...
- Phần mềm quản lý thư viện:
- Thư viện điện tử (có/không; đã kết nối được với CSĐT nào trong nước, ngoài nước; Số lượng sách, giáo trình điện tử:...

3.2.2. Danh mục giáo trình, sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

Bảng 15. Danh mục giáo trình của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1						
2						
...						

¹Có ghi chú rõ trang thiết bị; danh mục học liệu, tài liệu thư viện và liên kết thư viện mới được đầu tư ở mức cao hơn sau khi mở ngành đào tạo để chuẩn bị đào tạo CTCLC

Bảng 16. Danh mục sách chuyên khảo, tạp chí của ngành đào tạo

TT	Tên sách chuyên khảo/tạp chí	Tên tác giả	Nhà xuất bản số, tập, năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1					
2					
...					

4. Hợp tác quốc tế

4.1. Hội nghị, hội thảo khoa học ngành, chuyên ngành trong và ngoài nước

Bảng 17. Danh sách hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến ngành đăng kí trong 05 năm gần nhất

TT	Tên hội nghị, hội thảo quốc tế	Thời gian, địa điểm	Đơn vị đồng tổ chức	Thông tin trên tạp chí, website
1				
2				
...				

4.2. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài đã và đang triển khai

Bảng 18. Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu khoa học với nước ngoài trong 5 năm gần nhất liên quan đến ngành đăng kí đào tạo đã và đang triển khai

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức, nước hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1					
2					
...					

4.3. Các hình thức hợp tác quốc tế khác

5. Nghiên cứu khoa học

Bảng 19. Kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến ngành đăng kí đào tạo trong 5 năm trở lại đây

TT	Tên chương trình, đề tài	Cơ quan, tổ chức hợp tác	Năm bắt đầu/ Năm kết thúc	Số SV tham gia	Kết quả NC trên tạp chí, website
1					
2					
...					

6. CTĐT nước ngoài và chứng nhận CTĐT nước ngoài đã được kiểm định hoặc được cơ quan có thẩm quyền của nước đó cho phép thực hiện và cấp văn bằng.

7. Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục hoặc xác nhận đã đăng ký và đang trong thời gian kiểm định.

Phần III: Các điều kiện khác

1. Tuyển sinh

- Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh: nêu rõ chỉ tiêu này nằm trong tổng chỉ tiêu ĐHQG-HCM giao cho cơ sở đào tạo hàng năm.
- Điều kiện, phương thức tuyển sinh: nêu cụ thể đảm bảo đúng đối tượng, yêu cầu tại Điều 11 của Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.
- Kế hoạch tuyển sinh: số sinh viên/năm của ngành đăng ký ĐTCLC.

2. Tổ chức và quản lý đào tạo

Nêu cụ thể quy trình tổ chức và quản lý đào tạo, cách thức triển khai theo quy định tại Điều 12 của Quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

3. Văn bản quy định chi tiết của cơ sở đào tạo về ĐTCLC trình độ đại học được xây dựng trên cơ sở của bản Quy định này.

4. Chính sách hỗ trợ, ưu tiên cho giảng viên và sinh viên CTCLC.

5. Dự toán chi phí đào tạo, dự tính mức học phí theo tín chỉ, theo năm học và cho toàn khoá học và và lộ trình tăng học phí cho các khoá tiếp theo kèm theo minh chứng cho việc tăng học phí (nếu có); phương án thu, chi, sử dụng và quản lý học phí, kinh phí của cơ sở đào tạo theo khoản 3, Điều 4 của Quy định này; so sánh định suất đầu tư/1 sinh viên CTCLC với định suất đầu tư/1 sinh viên của chương trình đại trà để chứng minh mức thu học phí CTCLC tương đương với mức đầu tư để nâng cao chất lượng đào tạo.

6. Ý kiến của Hội đồng khoa học và Đào tạo (Có Biên bản kèm theo).

Nơi nhận:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

-.....;

(Ký tên, đóng dấu)

- Lưu:

Phụ lục II

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Thông tin trong 5 năm gần nhất và có liên quan trực tiếp đến đề tài/dự án đăng ký)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Họ và tên:
2. Ngày sinh:
3. Nam/nữ:
4. Nơi đang công tác:
Trường/viên:
Phòng/ Khoa:
Bộ môn:
Phòng thí nghiệm:
5. Học vị: năm đạt:
6. Học hàm: năm phong:
7. Liên lạc:

TT		Cơ quan	Cá nhân
1	Địa chỉ		
2	Điện thoại/ fax		
3	Email		

8. Trình độ ngoại ngữ:

TT	Tên ngoại ngữ	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1													
2													

9. Thời gian công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ...nay		
Từ...đến...		

10. Quá trình đào tạo:

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành	Tên luận án tốt nghiệp
Đại học				
Thạc sỹ				
Tiến sỹ				
Tiến sỹ Khoa học				

11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu

11.1 Lĩnh vực chuyên môn:

- Lĩnh vực:

- Chuyên ngành:

- Chuyên môn:

11.2 Hướng nghiên cứu:

1.

2.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Đề tài/dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Mã số & cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Kinh phí (triệu đồng)	Chủ nhiệm /Tham gia	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1							
2							

2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

TT	Tên SV, HVCH, NCS	Tên luận án	Năm tốt nghiệp	Bậc đào tạo	Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số)
1				Đại học	
2				Thạc sỹ	
				Tiến sỹ	

III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

1. Sách

1.1 Sách xuất bản Quốc tế

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

1.2. Sách xuất bản trong nước

TT	Tên sách	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Tác giả/ đồng tác giả	Bút danh
1						
2						

2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)	Điểm IF
1				
2				

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISSN	Ghi chú
1				
2				

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước

TT	Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu ISBN	Ghi chú
1				
2				

IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

TT	Tên giải thưởng	Nội dung giải thưởng	Nơi cấp	Năm cấp
1				
2				

2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

TT	Tên bằng	Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)	Số hiệu	Năm cấp	Nơi cấp	Tác giả/ đồng tác giả
1						
2						

3. Bảng giải pháp hữu ích

<i>TT</i>	<i>Tên giải pháp</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chi ghi mã số)</i>	<i>Số hiệu</i>	<i>Năm cấp</i>	<i>Nơi cấp</i>	<i>Tác giả/ đồng tác giả</i>
1						
2						

4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

<i>TT</i>	<i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i>	<i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i>	<i>Năm chuyển giao</i>	<i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chi ghi mã số)</i>
1				
2				

V. THÔNG TIN KHÁC

1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên chương trình</i>	<i>Chức danh</i>

2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị</i>	<i>Chức danh</i>

3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

<i>TT</i>	<i>Thời gian</i>	<i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i>	<i>Nội dung tham gia</i>

TP.HCM, ngày.....tháng năm

Xác nhận của cơ quan

Ngày ... tháng ... năm

Người khai

(Họ tên và chữ ký)